

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/No: 0483/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU GOLD 16-16-8+TE
Product name: NPK CÀ MAU GOLD 16-16-8+TE
- Khối lượng: 889.20 tấn
Quantity: 889.20 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - NPK Cà Mau Gold 16-16-8+TE bao 50Kg : 596.95 tấn
 - NPK Cà Mau Gold 16-16-8+TE bao 25Kg : 292.25 tấnNSX: 16/06/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 17/06/2025 13:34:46
Time of inspection: 17/06/2025 13:34:46
- Giám định viên: Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc, Trần Quang Thoại
Inspector: Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc, Trần Quang Thoại
- Nội dung giám định: Theo TCCS 63:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 63:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT No	Tên chỉ tiêu Components	Phương pháp thử Testing Method	Đơn vị Unit	Tiêu chuẩn kỹ thuật Specifications	Kết quả Results	Ghi chú Note
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	16	15.74	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	16	15.3	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	8	7.91	
4	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	600	752.0	
5	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	1.6	
6	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	1100	1354.5	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 63:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 63:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 26/06/2025 13:54:54

Tổ chức xác thực: PVCFC CA